

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST

Ngày: 12/9/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyển và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắc Lắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 39/2025/TLST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn C, xã KB, huyện KP, tỉnh ĐL (Nay là thôn C, xã E, tỉnh ĐL).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Văn Công M, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: 166 PCT, phường TL, thành phố B, tỉnh ĐL (Nay là 166 PCT, phường B, tỉnh ĐL).

- Bị đơn: Ông Lâm Quang H2, sinh năm 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện KP, tỉnh ĐL (Nay là thôn M, xã KP, tỉnh ĐL).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Công M trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Văn H1 có cho vợ chồng ông Lâm Quang H2 và bà Ngô Thị H vay tiền cũng như nợ lại tiền phân bón, nông sản. Tính đến ngày 19/03/2020, vợ chồng ông Lâm Quang H2 và bà Ngô Thị H còn nợ lại ông H1 tổng số tiền là: 321.780.000 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn

đồng) theo giấy chót tiền. Vợ chồng ông H2, bà H cam kết khi nào cần tiền chỉ cần báo trước họ sẽ trả đủ.

Đến nay, sau nhiều lần ông H1 đã đề nghị vợ chồng ông Lâm Quang H2 và bà Ngô Thị H chỉ trả khoản tiền còn nợ nhưng họ vẫn cố tìm mọi cách trì hoãn, né tránh, cố tình không chịu trả bất kỳ khoản tiền nào.

Ông H1 đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Quang H2 và bà Ngô Thị H, phải trả cho ông H1 số tiền nợ gốc: 321.780.000 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, đến ngày 01 tháng 7 năm 2025, ông H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung buộc ông Lâm Quang H2 và các con là Lâm Quang T, Lâm Quang Q, Lâm Quang S, Lâm Thị H có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền nợ gốc là 321.780.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Sau khi xem xét lại các quy định của pháp luật thì ông H1 tiếp tục đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông Lâm Quang H2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền nợ gốc là 321.780.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và yêu không đưa các con là Lâm Quang T, Lâm Quang Q, Lâm Quang S, Lâm Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Hiện nay ông H1 giữ yêu cầu khởi kiện buộc ông Lâm Quang H2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền nợ gốc là 321.780.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và yêu không đưa các con là Lâm Quang T, Lâm Quang Q, Lâm Quang S, Lâm Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ngoài ra, phía nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Quang H2 trình bày:*

Tôi thừa nhận vào khoảng năm 2005 tôi có vay tiền của ông H1 số tiền 9.000.000 đồng và nợ tiền mua phân bón nhưng tôi không nhớ số tiền cụ thể. Bản thân tôi cũng không biết vợ tôi có vay thêm của ông H1 bao nhiêu tiền. Đến khoảng năm 2020, vợ chồng tôi có đến nhà ông H1 thì ông H1 chót lại số tiền nợ của vợ chồng tôi là 321.780.000 đồng và yêu cầu vợ chồng tôi ký tên vào giấy xác nhận nợ thì tôi và bà H đã ký vào giấy. Hiện nay, ông H1 yêu cầu tôi trả số tiền trên thì tôi đề nghị ông H1 tính toán lại số nợ, giảm bớt cho tôi một phần để tôi cùng các con sẽ trả dần cho ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 288, khoản 1 Điều 351, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lâm Quang H2 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền là 321.780.000đ (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm khởi kiện bị đơn cư trú tại thôn M, xã H, huyện KP, tỉnh ĐL (Nay là thôn M, xã KP, tỉnh ĐL). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn trình bày có cho vợ chồng ông Lâm Quang H2 và bà Ngô Thị H vay tiền cũng như nợ lại tiền phân bón, nông sản. Sau đó, các bên chốt nợ vào ngày 19/03/2020 với tổng số tiền là: 321.780.000 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và có lập giấy xác nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Quang H2 thừa nhận có vay tiền, mua phân bón của ông H1 và ông H2 đã cùng bà H ký xác nhận vào giấy xác nhận nợ như ông H1 đã cung cấp. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh, đồng thời có căn cứ xác định ông H2, bà H có vay tiền, mua phân bón, nông sản nợ lại tổng số tiền 321.780.000 đồng. Sau khi các bên thỏa thuận về số nợ thì ông H2, bà H không trả tiền cho ông H1 nên đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 351, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Quang H2 và bà Ngô Thị H trả số tiền nợ gốc 321.780.000 đồng (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 thay đổi yêu cầu, đề nghị buộc ông H2 và các con là Lâm Quang T, Lâm Quang Q, Lâm Quang S, Lâm Thị H liên đới trả số tiền nêu trên.

Sau đó, ông H1 tiếp tục thay đổi, chỉ yêu cầu ông Lâm Quang H2 trả số tiền nợ gốc 321.780.000 đồng và đề nghị không đưa các con của ông H2, bà H tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do nguyên đơn đã rút yêu cầu đối với những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà H, Hội đồng xét xử không xem xét

trách nhiệm của họ trong khuôn khổ vụ án này; nguyên đơn có quyền khởi kiện riêng đối với ông H2 để yêu cầu thực hiện toàn bộ nghĩa vụ liên đới theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 288 Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông Lâm Quang H2 thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thuộc phần trách nhiệm liên đới giữa vợ chồng ông H2, bà H là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lâm Quang H2 trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 321.780.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Lâm Quang H2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Lâm Quang H2 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án, ông Lâm Quang H2 được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 288, khoản 1 Điều 351, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1.

Buộc ông Lâm Quang H2 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn H1 số tiền 321.780.000đ (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Về tiền lãi: Ông Nguyễn Văn H1 không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: : Bị đơn ông Lâm Quang H2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 được miễn tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Văn Tâm